

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date :

18/10/2024

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I. Chứng khoán/Stock			
1	ACB	1,900	5.44%
2	BCG	300	0.20%
3	BID	100	0.55%
4	BVH	100	0.48%
5	CTG	400	1.60%
6	DBC	100	0.32%
7	DCM	100	0.40%
8	DGC	100	1.25%
9	DGW	100	0.50%
10	DIG	200	0.46%
11	DPM	100	0.38%
12	DXG	300	0.53%
13	EIB	700	1.44%
14	EVF	200	0.23%
15	FPT	600	9.00%
16	FRT	100	1.95%
17	GAS	100	0.78%
18	GEX	300	0.67%
19	GMD	100	0.80%
20	GVR	100	0.39%
21	HAG	300	0.35%

22	HCM	200	0.67%
23	HDB	1,000	2.91%
24	HDG	100	0.31%
25	HHV	200	0.26%
26	HPG	1,600	4.77%
27	HSG	200	0.46%
28	KBC	300	0.91%
29	KDC	100	0.55%
30	KDH	200	0.73%
31	LPB	1,100	3.86%
32	MBB	1,300	3.68%
33	MSB	1,000	1.44%
34	MSN	300	2.66%
35	MWG	500	3.60%
36	NKG	100	0.23%
37	NLG	100	0.43%
38	NVL	600	0.69%
39	OCB	600	0.81%
40	PAN	100	0.27%
41	PCI	100	0.30%
42	PDR	200	0.46%
43	PLX	100	0.46%
44	PNJ	100	1.04%
45	POW	300	0.41%
46	PVD	100	0.29%
47	PVT	100	0.31%
48	REE	100	0.71%
49	SAB	100	0.63%
50	SBT	200	0.27%
51	SHB	1,400	1.65%
52	SSB	800	1.47%
53	SSI	600	1.80%
54	STB	900	3.41%
55	TCB	2,100	5.60%
56	TCH	200	0.36%
57	TPB	600	1.18%
58	VCB	300	3.03%
59	VCG	200	0.40%
60	VCI	100	0.40%
61	VHC	100	0.80%
62	VHM	600	2.96%
63	VIB	600	1.27%
64	VIC	500	2.27%

010
MỘT
QUẢN
CH
/ BA

65	VIX	600	0.75%
66	VJC	100	1.15%
67	VND	500	0.82%
68	VNM	400	2.96%
69	VPB	2,200	5.03%
70	VRE	400	0.82%
II.	Tiền/Cash (VND)	57,585,729	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	913,719,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	971,304,729
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	57,585,729

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	26,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	50,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	137,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	73,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	25,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	65,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	95,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	64,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	24,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	20,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	14,900	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

3178
G TY
HH
NH V
QUY Đ
KHOA
P.A
NG-T

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

